

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ SƠN KIM 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Sơn Kim 1, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15/6/2022;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”;

Căn cứ Quyết định số 19 /QĐ-UBND ngày 30/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh quy định chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ công văn số 2527/SVHTTDL-QLVH ngày 25/9/2025 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hà Tĩnh về việc hướng dẫn tạm thời việc xét tặng các danh hiệu văn hóa năm 2025;

Theo đề nghị của đồng chí thôn trưởng các thôn Khe Năm, Trung, Công Thương, An Sứ, Kim Cương 2, Khe Dầu, Hà Trai và thôn Vũng Tròn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng các hộ gia đình thuộc các thôn Khe Năm, Trung, Công Thương, An Sứ, Kim Cương 2, Khe Dầu, Hà Trai và thôn Vũng Tròn danh hiệu “Gia đình văn hóa” năm 2025.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Đồng chí thôn trưởng các thôn Khe Năm, Trung, Công Thương, An Sứ, Kim Cương 2, Khe Dầu, Hà Trai và thôn Vũng Tròn, Ủy ban nhân dân xã Sơn Sơn Kim 1, các phòng, ban, cơ quan, tổ chức liên quan và các hộ gia đình có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, VHXH.

CHỦ TỊCH

Phạm Anh Hào

DANH SÁCH

Các hộ gia đình thôn Khe 5 đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa năm 2025
(Kèm theo Quyết định số: của UBND xã Sơn Kim 1)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
1	Phan Văn Trung	1990	
2	Nguyễn Đình Quyền	1970	
3	Ngô Cao Thắng	1961	
4	Nguyễn Thị Huế	1967	
5	Trần Hữu Hùng	1976	
6	Nguyễn Văn Hòa	1955	
7	Trần Văn Công	1986	
8	Từ Ngọc Quyền	1976	
9	Đào Viết Luận	1976	
10	Nguyễn Thị Hợi	1948	
11	Nguyễn Minh Hùng	1985	
12	Nguyễn Tiến Hồ	1982	
13	Từ Ngọc Túy	1947	
14	Đậu Xuân Kiều	1978	
15	Nguyễn Thị Tâm	1957	
16	Trần Văn Đức	1990	
17	Trần Văn Sơn	1956	
18	Hồ Phúc Tự	1971	
19	Trần Mạnh Hồng	1959	
20	Đậu Xuân Thắng	1984	
21	Nguyễn Minh Mạnh	1988	
22	Trần Văn Phú	1940	
23	Trần Ngọc Lâm	1963	
24	Đậu Quốc Tuấn	1970	
25	Nguyễn Thị Chính	1956	
26	Nguyễn Minh Công	1962	
27	Nguyễn Tuấn Vũ	1992	
28	Nguyễn Kim Thành	1946	
29	Từ Ngọc Anh	1971	
30	Trần Đình Xuyên	1952	
31	Trần Đình Tứ	1948	
32	Lưu Trọng Bằng	1974	
33	Đào Văn Thông	1964	
34	Võ Tá Dũng	1970	
35	Nguyễn Thanh Minh	1974	
36	Lê Văn Luận	1970	
37	Nguyễn Văn Sơn	1973	

38	Phan Hữu Nguyên	1964	
STT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
39	Trương Thị Thảo	1963	
40	Nguyễn Thị Hằng	1976	
41	Hà Thị Minh	1941	
42	Võ Tá Hùng	1972	
43	Đặng Thị Châu	1938	
44	Đặng Thị Yên	1975	
45	Nguyễn Thị Thu Hương	1981	
46	Hà Thị Xuân	1954	
47	Phan Văn Thành	1972	
48	Nguyễn Công Tuấn	1960	
49	Lê Văn Bình	1971	
50	Nguyễn Quốc Đạt	1985	
51	Phạm Mạnh Hùng	1965	
52	Phan Xuân Tình	1985	
53	Phan Xuân Nam	1958	
54	Phạm Thị Quý	1934	
55	Bùi Thị Hương	1960	
56	Nguyễn Thị Thắm	1979	
57	Phan Hữu Duẩn	1965	
58	Lê Hồng Cư	1937	
59	Lê Xuân Hùng	1968	
60	Phan Thị Phương	1948	
61	Nguyễn Thị Hạnh	1960	
62	Trần Mạnh Nguyên	1963	
63	Nguyễn Thị Thìn	1930	
64	Nguyễn Quốc Trị	1964	
65	Nguyễn Văn Dũng	1956	
66	Hồ Thị Đào	1934	
67	Nguyễn Quốc Hùng	1958	
68	Nguyễn Hồng Quân	1971	
69	Phạm Quang Minh	1977	
70	Phạm Quang Đề	1940	
71	Phạm Lê Thiều	1955	
72	Phạm Hoài Thanh	1982	
73	Trần Ngọc Hà	1968	
74	Nguyễn Anh Sơn	1984	
75	Lê Văn Thường	1970	
76	Lê Văn Cương	1962	
77	Phạm Bá Minh	1966	
78	Phạm Đức Khôi	1930	
79	Nguyễn Quốc Hoài	1987	

80	Đinh Thị Lựu	1936	
STT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
81	Nguyễn Thị Bích Nga	1978	
82	Trần Hữu Thìn	1952	
83	Lê Văn Tuyền	1969	
84	Trần Thị Bông	1947	
85	Lê Trường Sơn	1971	
86	Phan Văn Liêu	1944	
87	Phạm Thị Hòe	1946	
88	Phạm Đình Ất	1964	
89	Đinh Thị Tam	1939	
90	Nguyễn Văn Thông	1956	
91	Nguyễn Thành Đông	1971	
92	Nguyễn Chí Thanh	1962	
93	Nguyễn Bình Trọng	1983	
94	Phan Văn Sửu	1959	
95	Lê Thị Yên	1945	
96	Hà Văn Long	1970	
97	Nguyễn Thê Minh	1970	
98	Đinh Quốc Hoàn	1971	
99	Nguyễn Phi Khanh	1945	
100	Trần Văn Anh	1969	
101	Nguyễn Thị Loan	1975	
102	Nguyễn Phùng Kiên	1970	
103	Nguyễn Phùng Định	1971	
104	Đào Như Trự	1973	
105	Hồ Thị Tuất	1936	
106	Lê Vĩnh Thảo	1974	
107	Đào Văn Hạnh	1955	
108	Hồ Thị Thanh Hồng	1971	
109	Phạm Thị Thi	1942	
110	Lê Như Ngọc	1990	
111	Trần Văn Đạt	1992	
112	Phạm Thanh Bình	1990	
113	Nguyễn Sinh Cường	1993	
114	Phạm Quang Hùng	1981	
115	Phan Hữu Luân	1995	

DANH SÁCH

Các hộ gia đình thôn Trung đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa năm 2025

(Kèm theo Quyết định số:/QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2025

của UBND xã Sơn Kim I)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
1	Hồ Giang Lương	1972	
2	Nguyễn Quốc khả	1962	
3	Trần Thị Kim Phương	1959	
4	Trương Hoàng Vũ	1979	
5	Trương Vương Quốc	1978	
6	Trương Vũ Cường	1990	
7	Trương Thị Hồng Nhung	1983	
8	Nguyễn Thị Linh	1942	
9	Nguyễn Văn Đức	1970	
10	Nguyễn Đức Lập	1950	
11	Lê Quốc Huy	1976	
12	Lê Minh Đức	1948	
13	Nguyễn Thị Lan	1954	
14	Hồ Quốc Phương	1977	
15	Phạm Thị Xanh	1938	
16	Đào Thị Vy	1973	
17	Nguyễn Thị Hồng	1953	
18	Phạm Trọng Cần	1955	
19	Trần Thị Xanh	1970	
20	Trần Thị Xuân	1965	
21	Hồ Quốc Bùng	1984	
22	Bùi Thị Lý	1951	
23	Nguyễn Văn Dũng	1988	
24	Nguyễn Văn Hào	1956	
25	Nguyễn Văn Phong	1991	
26	Nguyễn Văn Minh	1976	
27	Nguyễn Văn Bảy	1967	
28	Lê Hữu Quang	1959	
29	Lê Thị Hồng	1957	
30	Trần Văn Dũng	1970	
31	Nguyễn Thế Công	1964	
32	Nguyễn Phương	1968	
33	Phan Thị Sen	1951	
34	Hồ Văn Đồng	1980	
35	Hồ Thị Bình	1956	
36	Đào Văn Tuyên	1962	

37	Nguyễn Thị Khanh	1975	
38	Võ Minh	1962	
39	Đoàn Thị Huyền	1972	
STT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
40	Ngô Thị Thái	1971	
41	Nguyễn Khắc Việt	1965	
42	Nguyễn Văn Đồng	1960	
43	Phan Văn Xin	1938	
44	Lê Thị Bích Phương	1971	
45	Nguyễn Văn Linh	1989	
46	Nguyễn Tiến Dũng	1987	
47	Nguyễn Anh Sơn	1971	
48	Phan Hữu Khản	1961	
49	Ngô Kỳ Sơn	1966	
50	Nguyễn Văn Luận	1958	
51	Nguyễn Thị Hương	1983	
52	Nguyễn Xuân Thủy	1973	
53	Nguyễn Thế Hùng	1979	
54	Nguyễn Văn Mạnh	1997	
55	Đào Thị Nhung	1976	
56	Ngô Thị Thương	1984	
57	Bùi Thị Lan	1949	
58	Nguyễn Thị Nga	1960	
59	Bùi Kim Liên	1954	
60	Nguyễn Thị Khương	1934	
61	Phan Thị Xoan	1941	
62	Lê Thị Phụng	1960	
63	Đinh Thị Hồng Thúy	1974	
64	Nguyễn Văn Giang	1981	
65	Nguyễn Quốc Dũng	1983	
66	Nguyễn Đình Luận	1957	
67	Đào Xuân Anh	1953	
68	Đào Xuân Tài	1985	
69	Nguyễn Văn Phù	1930	
70	Trần Thị Hồng	1973	
71	Phạm Văn Giáp	1974	
72	Nguyễn Thị Lâm	1960	
73	Nguyễn Thị Hường	1960	
74	Nguyễn Văn Phùng	1963	
75	Đặng Thế Hòa	1980	
76	Đặng Thị Cảnh	1966	
77	Đặng Văn Thuận	1972	
78	Đặng Văn Thành	1969	

79	Đào Văn Đức	1993	
80	Nguyễn Thị Mai	1987	
81	Nguyễn Công Nhạc	1934	
STT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
82	Nguyễn Văn Linh	1968	
83	Phạm Văn Việt	1954	
84	Trương Thị Vinh	1948	
85	Võ Chí Thanh	1984	
86	Võ Thanh Hiền	1972	
87	Trương Quốc Dân	1986	
88	Trương Quốc Thìn	1988	
89	Đào Quang Trung	1956	
90	Đào Thị Thương	1983	
91	Lê Vĩnh Bảo	1969	
92	Nguyễn Quang Diễn	1950	
93	Lê Văn Việt	1934	
94	Lê Kim Thanh	1964	
95	Đào Thị Phương	1988	
96	Đào Xuân Phan	1961	
97	Lê Thị Thúy	1985	
98	Trần Thị Lan	1952	
99	Nguyễn Phi Long	1985	
100	Hồ Thị Thanh Hóa	1958	
101	Đinh Quang Trung	1977	
102	Đinh Xuân Hải	1973	
103	Đoàn Văn Nam	1980	
104	Sâm		
105	Võ Thế Nhật	1954	
106	Võ Văn Thế	1982	
107	Võ Văn Giap	1988	
108	Trần Trung Dũng	1979	
109	Nguyễn Quang Thịnh	1978	
110	Lê Anh Văn	1977	
111	Hồ Hoàng Sơn	1987	
112	Võ Quang Trung	1974	
113	Nguyễn Quốc Phi	1989	
114	Trương Hữu Bình	1956	
115	Nguyễn Văn Huân	1960	
116	Thái Văn Nam (p)	1967	
117	Nguyễn Công Khánh	1976	
118	Thái Văn Nam (Miền)	1975	
119	Nguyễn Văn Phú	1973	
120	Bùi Song Hào	1967	

121	Hồ Trung Long	1991	
122	Đào Công Sự	1965	
123	Phạm Thị Hường	1944	
STT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
124	Hồ Xuân Hoàng	1974	
125	Ngô Đình Dương	1982	
126	Nguyễn Đình Quyết	1984	
127	Phạm Thê An	1975	
128	Phan Hùng Duyệt	1970	
129	Hồ Văn Đông	1980	
130	Nguyễn Văn Kỳ	1988	
131	Nguyễn Đình Hợp	1957	
132	Trần Trung Kiên	1983	
133	Nguyễn Thành Tâm	1969	
134	Lương Thanh Hùng	1982	
135	Bùi Kim Lân	1956	
136	Phạm Ngọc Châu	1948	
137	Trần Xuân Lành	1974	
138	Trần Văn Phụng	1969	
139	Trần Công Viên	1980	
140	Nguyễn Tiến Huy	1983	
141	Vì Thị Hoa	1981	
142	Nguyễn Tuấn Anh	1976	
143	Nguyễn Văn Quý	1975	
144	Nguyễn Quốc Việt	1968	
145	Đào Văn Chắt	1949	
146	Đào Thị Kim Ngân	1999	
147	Phan Lương Thảo	1969	
148	Phạm Đình Lâm	1981	
149	Phan Sỹ Bình	1965	
150	Nguyễn Quốc Tuấn	1984	
151	Nguyễn Văn Điệp	1989	
152	Đào Xuân Thủy	1979	
153	Nguyễn Quốc Huy	1976	
154	Đậu Quốc Hoàn	1972	
155	Phan Trọng Trường	1973	
156	Nguyễn Phi Hùng	1971	
157	Nguyễn Thanh Tịnh	1961	
158	Đinh Thị Nguyệt	1942	
159	Lê Anh Tuấn	1982	
160	Nguyễn Thị Thân	1956	
161	Nguyễn Thị Oanh	1956	
162	Phạm Văn Hải	1980	

163	Nguyễn Văn Thìn	1964	
164	Lê Đình Kiên	1967	
165	Thái Văn Thị	1934	
STT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
166	Thái Khắc Nhân	1953	
167	Nguyễn Thị Hiền	1969	
168	Chu Văn Thông	1975	
169	Ngô Văn Khanh	1970	

DANH SÁCH

Các hộ gia đình thôn Công Thương đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa năm 2025

(Kèm theo Quyết định số:/QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2025)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
1	Lê Thanh Xuân	1962	
2	Trần Thị Phúc	1962	
3	Trần Thị Liên	1951	
4	Trần Mạnh Khả	1963	
5	Phạm Văn Đàn	1944	
6	Trương Hữu Thanh	1960	
7	Nguyễn Thị Nhàn	1936	
8	Trần Thanh Sơn	1961	
9	Phan Thị Tùng	1946	
10	Vi Thị Hồng	1973	
11	Nguyễn Thanh Vân	1970	
12	Trần Trung Thành	1971	
13	Hà Văn Hành	1966	
14	Phùng Thị Tâm	1954	
15	Lê Thị Ngọc Thái	1972	
16	Trần Đình Thắng	1971	
17	Nguyễn Nhật Tiên	1952	
18	Trần Văn Hải	1971	
19	Trần Quyết Thắng	1974	
20	Trần Thị Hương	1968	
21	Nguyễn Tự Lực	1972	
22	Nguyễn Văn Thân	1962	
23	Trần Quang Phong	1958	
24	Đặng Văn Sỹ	1974	
25	Phạm Văn Hải	1979	
26	Trần Quốc Toàn	1976	
27	Lê Thị Tương	1976	
28	Nguyễn Công Đạt	1977	
29	Trần Thị Hiền	1965	
30	Nguyễn Thị Thành	1960	
31	Phạm Anh Sơn	1971	
32	Nguyễn Mạnh Hùng	1969	
33	Nguyễn Thị Kim	1963	
34	Đặng Ngọc Tú	1981	
35	Phan Thị Quý	1983	

36	Lê Thanh Hà	1971	
37	Nguyễn Thanh Bình	1978	
38	Phạm Văn Hoàng	1977	
39	Đặng Văn Linh	1947	
STT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
40	Nguyễn Công Cường	1987	
41	Bùi Xuân Hương	1962	
42	Lê Văn Mưu	1965	
43	Nguyễn Thị Lý	1966	
44	Nguyễn Văn Túy	1945	
45	Phùng Thị Minh	1950	
46	Bùi Văn Toàn	1971	
47	Đông Thị Hội	1935	
48	Nguyễn Đăng Biểu	1969	
49	Trần Thị Cảnh	1955	
50	Trần Thị Tịnh	1954	
51	Võ Thị Cẩm Tú	1976	
52	Hồ Thị Liên	1961	
53	Trần Quang Nhật	1982	
54	Trần Đình Thảo	1963	
55	Trần Thị Thủy	1973	
56	Trần Vĩnh Bảo	1971	
57	Trần Quốc Việt	1955	
58	Nguyễn Đình Bắc	1958	
59	Nguyễn Minh Sơn	1972	
60	Nguyễn Kim Ngọc	1980	
61	Nguyễn Thị Hồng	1970	
62	Nguyễn Thị Minh	1957	
63	Trần Tá	1978	
64	Hoàng Văn Thân	1959	
65	Nguyễn Văn Tiếp	1973	
66	Lê Thị Dân	1963	
67	Nguyễn Thị Hương	1956	
68	Trần Quang Lục	1967	
69	Nguyễn Văn Tràng	1931	
70	Lê Đình Nông	1970	
71	Lê Thị Hiên	1966	
72	Trần Quốc Phong	1985	
73	Nguyễn Thanh Bình	1974	
74	Hoàng Trọng Tráng	1983	
75	Nguyễn Văn Quyết	1975	
76	Nguyễn Văn Bằng	1983	
77	Lê Văn Mưu	1968	

78	Trần Chí Dũng	1971	
79	Hoàng Trọng Sỹ	1987	
80	Lê Ngọc Thọ	1983	
81	Hồ Phạm Hải	1966	
STT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
82	Nguyễn Thanh Bình	1975	
83	Trần Đình Tâm	1972	
84	Trương Thị Lan	1952	
85	Hồ Khắc Hải	1962	
86	Nguyễn Thị Sen	1963	
87	Lê Vĩnh An	1973	
88	Nguyễn Văn Tổ	1972	
89	Nguyễn Thê Hùng	1955	
90	Nguyễn Sinh Châu	1057	
91	Nguyễn Thanh Toàn	1966	
92	Nguyễn Khắc Điệp	1983	
93	Nguyễn Văn Cường	1954	
94	Nguyễn Thị Tuyết	1982	
95	Nguyễn Đình Quế	1961	
96	Hồ Thọ	1931	
97	Hoàng Trọng Hùng	1980	
98	Nguyễn Thành Trung	1982	
99	Lê Thị Hương	1970	
100	Phan Thanh Tuấn	1990	
101	Phạm Văn Quyền	1985	
102	Đặng Xuân Liệu	1948	
103	Trần Triệu Tú	1983	
104	Nguyễn Thị Hạnh	1994	
105	Nguyễn Công Chánh	1986	
106	Hồ Văn Thê	1991	
107	Nguyễn Hoàng Bảo	1989	
108	Đặng Thị Tý	1972	
109	Trần Văn Chính	1976	
110	Trịnh Thị Trà My	1989	
111	Nguyễn Quốc Trưởng	1984	
112	Cao Văn Công	1987	
113	Nguyễn Văn Giáp	1984	
114	Hoàng Trung Kiên	1993	
115	Nguyễn Văn Thắng	1973	
116	Nguyễn Thê Anh	1992	
117	Hồ Xuân Nam	1965	
118	Nguyễn Quốc Thắng	1972	
119	Lâm Thị Mai	1989	

120	Nguyễn Phi Đông	1979	
121	Trần Thị Tịnh	1954	
122	Nguyễn Thị Hòa	1971	
123	Nguyễn Xuân Lâm	1963	
STT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
124	Nguyễn Quốc Tuấn	1988	
125	Phạm Thị Long	1973	
126	Trần Thị Sinh	1932	
127	Hồ Thị Mây	1976	
128	Trần Hữu Phước	1994	
129	Nguyễn Kim Tiến	1957	
130	Nguyễn Tuấn Anh	1992	

DANH SÁCH

Các hộ gia đình thôn An Sú đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa năm 2025

(Kèm theo Quyết định số:/QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2025)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
1	Phạm Huy Thông	1989	
2	Hồ Chí Trung	1973	
3	Phạm Thị Liên	1950	
4	Lê Thị Trang	1950	
5	Lê Đức Trọng	1958	
6	Nguyễn Văn Huyền	1965	
7	Nguyễn Thị Huệ	1946	
8	Nguyễn Văn Đình	1973	
9	Hồ Thái Học	1960	
10	Lê Thị Lài	1959	
11	Lê Minh Lệ	1968	
12	Trần Đình Nông	1969	
13	Nguyễn Thị Thanh Hằng	1979	
14	Trần Thị Định	1973	
15	Trần Ngọc Sơn	1965	
16	Nguyễn Bá Láng	1951	
17	Phan Thị Nhàn	1936	
18	Văn Đình Phúc	1974	
19	Trần Thị Anh	1963	
20	Nguyễn Thị Hồng	1949	
21	Nguyễn Thị Chiên	1963	
22	Nguyễn Lương Bằng	1972	
23	Nguyễn Thanh Bình	1937	
24	Trần Thị Ninh	1962	
25	Nghiêm Xuân Bá	1958	
26	Lê Đình Hà	1960	
27	Nguyễn Đình Xuân	1958	
28	Võ Văn Biên	1957	
29	Phạm Thanh Sửu	1957	
30	Nguyễn Văn Minh	1947	
31	Hồ Xuân Hương	1961	
32	Hoàng Aí Quốc	1973	
33	Nguyễn Quốc Lập	1973	

34	Lê Thanh Lâm	1961	
35	Trịnh Xuân Lập	1955	
36	Nguyễn Văn Việt	1959	
37	Hồ Viết Thắng	1955	
38	Nguyễn Quang Trung	1971	
39	Võ Quốc Việt	1954	
STT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
40	Võ Tiến Dũng	1979	
41	Hồ Văn Khương	1973	
42	Nguyễn Văn Giáp	1966	
43	Phạm Ngọc Tĩnh	1963	
44	Nguyễn Văn Tảo	1966	
45	Nguyễn Quang Tiến	1965	
46	Trần Quốc Hiên	1964	
47	Hồ Phạm Thuyết	1967	
48	Đào Thị Huyền	1966	
49	Trần Quốc Khởi	1968	
50	Hồ Thị Hà	1959	
51	Lê Văn Hiệp	1970	
52	Lê Thanh Sơn	1952	
53	Trần Xuân Cảnh	1967	
54	Trần Quốc Dũng	1960	
55	Nguyễn Thị Bình	1974	
56	Trần Hải Lý	1969	
57	Phạm Văn Tuệ	1948	
58	Nguyễn Đức Thắng	1949	
59	Nguyễn Thị Lài	1975	
60	Nguyễn Thị Thanh	1965	
61	Lê Thị Cảnh	1974	
62	Võ Thanh Hương	1963	
63	Trần Đình Nguyên	1963	
64	Nguyễn Hồng Khanh	1968	
65	Hồ Phạm Tân	1968	
66	Hồ Cao Tạo	1957	
67	Trần Quốc Tuệ	1936	
68	Văn Thị Thu	1969	
69	Trần Công An	1958	
70	Trần Công Danh	1973	
71	Trần Quốc Lương	1970	
72	Nguyễn Nhật Tiến	1967	
73	Võ Phúc Kỳ	1989	
74	Nguyễn Ngọc Châu	1965	
75	Hồ Xuân Khánh	1968	

76	Hồ Thị Thìn	1965	
77	Trần Xuân Lục	1938	
78	Nguyễn Đình Nam	1955	
79	Nguyễn Đăng Khoa	1967	
80	Lê Thiêm	1963	
81	Trần Tất Ngụ	1964	
STT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
82	Trần Cao Hạnh	1959	
83	Nguyễn Văn Thành	1978	
84	Nguyễn Văn Tuấn	1979	
85	Hồ Phạm Luân	1987	
86	Phạm Xuân Hùng	1956	
87	Nguyễn Văn Đê	1938	
88	Hồ Xuân Hiên	1962	
89	Nguyễn Thị Tiu	1943	
90	Hoàng Trọng Thê	1966	
91	Trần Đăng Dương	1979	
92	Dương Anh Tuấn	1978	
93	Hồ Thị Mơ	1954	
94	Hồ Xuân Hiệp	1969	
95	Nguyễn Văn Hiệp	1974	
96	Trần Thị Hòa	1957	
97	Nguyễn Văn Cường	1990	
98	Trần Đình Chiến	1980	
99	Hồ Thị Sơn	1957	
100	Lê Sơn	1965	
101	Trần Quốc Mại	1966	
102	Hồ Thị Hương	1965	
103	Nguyễn Văn Hòa	1971	
104	Phạm Thanh Lĩnh	1970	
105	Phạm Thanh Hồng	1964	
106	Phạm Huy Thành	1961	
107	Phạm Đình Quý	1969	
108	Võ Văn Hải	1968	
109	Võ Văn Quế	1962	
110	Phạm Văn Hai	1952	
111	Nguyễn Thế Kỷ	1938	
112	Nguyễn Thị Bích Ngọc	1958	
113	Lê Vĩnh	1959	
114	Nguyễn Thị Tuyết	1970	
115	Nguyễn Sơn Hà	1961	
116	Nguyễn Giang Lương	1953	
117	Lê Văn Hòa	1974	

118	Lê Văn Lê	1966	
119	Phạm Văn Tam	1952	
120	Hồ Thị Thảo	1972	
121	Nguyễn Đình An	1976	
122	Nguyễn Thị Thành	1957	
123	Nguyễn Quốc Khánh	1980	
STT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
124	Phạm Xuân Hùng	1956	
125	Ngô Xuân Bính	1958	
126	Phan Hải Hưng	1983	
127	Nguyễn Thị Hồng	1057	
128	Phạm Văn Chắt	1953	
129	Phạm Huy Quảng	1946	
130	Nguyễn Văn Khoách	1965	
131	Phạm Thị Thảo	1958	
132	Phạm Thị Đào	1955	
133	Võ Văn Sơn	1963	
134	Võ Văn Tuất	1970	
135	Võ Văn Chắt	1956	
136	Nguyễn Thị Mai	1966	
137	Võ Quốc Hùng	1956	
138	Phạm Huy Biện	1956	
139	Nguyễn Quốc Toàn	1959	
140	Võ Văn Hoàn	1969	
141	Nguyễn Xuân Tịnh	1975	
142	Võ Thị Hiên	1975	
143	Võ Dũng	1962	
144	Nguyễn Phúc Dương	1976	
145	Lê Văn Sự	1965	
146	Lê Văn Nhật	1981	
147	Nguyễn Thị Lan	1961	
148	Phạm Thê Hào	1980	
149	Nguyễn Mạnh Tráng	1985	
150	Lê Thị Tuyết Nhung	1981	
151	Lê Quốc Việt	1985	
152	Trần Thị Thảo Nguyên	1976	
153	Tô Đông Dũng	1976	
154	Võ Phúc Tám	1993	
155	Trần Công Trang	1988	
156	Nguyễn Thị Thanh Hải	1981	
157	Nguyễn Giang Long	1974	
158	Trần Quốc Bảo	1980	
159	Lê Thị Hương	1985	

160	Trần Công SỰ	1984	
161	Trần Văn Sang	1986	
162	Phan Thị Huệ	1933	
163	Trần Đình Viết	1984	
164	Trần Thị Cúc	1976	
165	Trần Đăng Long	1976	
STT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
166	Nguyễn Văn Công	1982	
167	Võ Đình Sơn	1982	
168	Trịnh Đức Thọ	1973	
169	Trần Văn Quân	1982	
170	Nguyễn Minh Tú	1977	
171	Nguyễn Xuân Điệp	1987	
172	Nguyễn Thế Anh	1985	
173	Nguyễn Văn Quý	1983	
174	Nguyễn Tiến Châu	1980	
175	Nguyễn Công Bằng	1986	
176	Trần Lê Sơn	1975	
177	Nguyễn Tiến Công	1986	
178	Ngô Văn Thiện	1983	
179	Võ Phúc Bảo	1992	
180	Hồ Phạm Điệp	1985	
181	Phạm Quang Đạt	1991	
182	Hồ Xuân Đức	1988	
183	Nguyễn Thị Loan	1991	
184	Trần Thị Xuân	1946	
185	Hồ Cao Cường	1981	
186	Nguyễn Thị Thu Hiền	1974	
187	Trần Quốc Trường	1992	
188	Nguyễn Quang Tuấn	1993	
189	Nguyễn Thị Thuận	1972	
190	Trần Thị Tuyết	1967	
191	Phạm Huy Lĩnh	1992	
192	Nguyễn Thị Kim Hoa	1954	
193	Lê Thị Hồng	1982	
194	Lê Trường Chinh	1995	
195	Trần Thế Lâm	1974	
196	Trần Quốc Đình	1964	

DANH SÁCH

Các hộ gia đình thôn Kim Cương 2 đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa năm 2025

(Kèm theo Quyết định số:/QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2025)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Sỹ	1978	
2	Nguyễn Công Trường	1962	
3	Nguyễn Quốc Lịch	1967	
4	Nguyễn Thị Xoan	1969	
5	Trần Quốc Kính	1965	
6	Nguyễn Hồng Nguyên	1966	
7	Cao Minh Hiệp	1964	
8	Cao Minh Cương	1976	
9	Phan Tư Chung	1988	
10	Phan Quốc Hào	1983	
11	Nguyễn Quang Vinh	1969	
12	Nguyễn Hồng Hà	1971	
13	Nguyễn Quang Hồng	1964	
14	Nguyễn Minh Hồng	1965	
15	Nguyễn Văn Trọng	1962	
16	Nguyễn Ngọc Núi	1986	
17	Nguyễn Chí Công	1990	
18	Trần Thị Hồng	1964	
19	Nguyễn Xuân Kỳ	1958	
20	Nguyễn Văn Nam	1988	
21	Nguyễn Văn Bắc	1990	
22	Nguyễn Văn Dương	1967	
23	Phan Thị Lành	1950	
24	Phan Văn Hiệp	1964	
25	Phan Thị Tâm	1960	
26	Nguyễn Thị Điệp	1974	
27	Phan Văn Quyền	1957	
28	Phan Ngọc Phương	1953	
29	Phạm Thị Nga	1940	
30	Nguyễn Văn Thành	1941	
31	Nguyễn Thế Lực	1981	

32	Nguyễn Văn Thắng	1976	
33	Nguyễn Văn Aí	1967	
34	Trần Phi Đông	1962	
35	Trần Quốc Tuấn	1960	
36	Trần Minh Thái	1968	
37	Nguyễn Hồng Hóa	1946	
38	Nguyễn Huy Hoàng	1987	
39	Nguyễn Quang Nguyên	1968	
STT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
40	Phan Thế Thao	1985	
41	Võ Viết Sơn	1958	
42	Võ Viết Anh	1988	
43	Nguyễn Thị Bình	1974	
44	Nguyễn Thế Thúc	1975	
45	Nguyễn Hồng Sơn	1962	
46	Lương Thị Kiều	1942	
47	Trần Văn Hưởng	1970	
48	Nguyễn Văn Chiến	1973	
49	Nguyễn Xuân Dương	1978	
50	Nguyễn Thái Sách	1990	
51	Nguyễn Văn Định	1961	
52	Nguyễn Chí Thanh	1971	
53	Nguyễn Thị Đề	1942	
54	Trần Đình Huân	1938	
55	Bùi Văn Lễ	1946	
56	Bùi Tiến Sỹ	1988	
57	Bùi Văn Nghĩa	1952	
58	Bùi Tiến Dũng	1983	
59	Trần Ngọc Hà	1953	
60	Ngô Thị Ân	1958	
61	Phan Chí Thanh	1978	
62	Phan Văn Quý	1953	
63	Phan Thị Hà	1963	
64	Hồ Văn Bình	1960	
65	Trần Thị Loan	1965	
66	Lê Thị Oanh	1967	
67	Nguyễn Thị Ny	1985	
68	Nguyễn Trường Sơn	1974	
69	Nguyễn Tuấn Giang	1983	
70	Nguyễn Văn Hào	1968	
71	Hoàng Anh Đức	1969	
72	Phan Thành Vinh	1983	
73	Nguyễn Tiến Chương	1975	

74	Trần Thị Mai	1954	
75	Nguyễn Xuân Quân	1971	
76	Phan Xuân Huy	1960	
77	Phan Thị Quyên	1993	
78	Trần Văn Hiếu	1967	
79	Nguyễn Thị Hương	1964	
80	Nguyễn Văn Hường	1962	
81	Phan Đình Hiếu	1990	
STT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
82	Lê Hữu Tùng	1982	
83	Lê Hữu Hạnh	1930	
84	Nguyễn Văn Thân	1968	
85	Trần Thị Bích Liên	1970	
86	Nguyễn Văn Thuyên	1982	
87	Trần Hồng Thuận	1965	
88	Trần Thị Lựu	1947	
89	Trần Thanh Sang	1984	
90	Trần Thị Ngụ	1941	
91	Nguyễn Thành Luân	1985	
92	Nguyễn Đăng Khoa	1964	
93	Nguyễn Thị Quý	1955	
94	Nguyễn Văn Sự	1978	
95	Phan Ngọc Tân	1973	
96	Trần Biên Cương	1973	
97	Trần Quốc Khanh	1971	
98	Hồ Thị Lý	1951	
99	Ngô Đức Thế	1982	
100	Ngô Đức Quyền	1979	
101	Ngô Thị Mỹ	1977	
102	Nguyễn Phi Hùng	1966	
103	Trương Ngọc Sơn	1952	
104	Trương Anh Thao	1983	
105	Nguyễn Thị Lan	1958	
106	Nguyễn Văn Phụng	1953	
107	Nguyễn Văn Hiền	1984	
108	Nguyễn Anh Thuận	1984	
109	Nguyễn Công Thoan	1988	
110	Nguyễn Thế Quang	1973	
111	Nguyễn Thị Hợi	1959	
112	Trần Trung Sỹ		
113	Trần Văn Tình	1985	
114	Lê Quang Chiến	1981	
115	Phan Thái Hoàng	1980	

116	Nguyễn Văn Tuyên	1962	
117	Nguyễn Thế Phùng	1965	
118	Nguyễn Văn Lộc	1950	
119	Nguyễn Văn Quốc	1983	
120	Phan Thị Thanh		
121	Lê Thị Nhâm	1963	
122	Phan Xuân Vinh	1956	
123	Phan Văn Điệp	1984	
STT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
124	Phan Thị Lành	1966	
125	Phan Văn Bá	1963	
126	Phan Văn Hải	1978	
127	Nguyễn Thế Anh	1981	
128	Nguyễn Thị Tiến	1957	
129	Nguyễn Văn Long	1959	
130	Nguyễn Thành Trung	1986	
131	Nguyễn Cao Cường	1979	
132	Nguyễn Văn Thái	1974	
133	Nguyễn Văn Mậu	1979	
134	Nguyễn Đình Hoàng	1965	
135	Nguyễn Thị Sâm	1958	
136	Nguyễn Thị Hương	1950	
137	Nguyễn Văn Huyền	1969	
138	Nguyễn Văn Kính	1957	
139	Nguyễn Thị Chùy	1947	
140	Nguyễn Xuân Trang	1954	
141	Nguyễn Thị Yên	1971	
142	Vì Thị Thúy	1987	
143	Ngô Văn Dương	1972	
144	Hồ Văn Viện	1965	
145	Phan Văn Mỹ	1983	
146	Hoàng Văn Thư	1970	
147	Hoàng Anh Tuấn	1975	
148	Đình Văn Hoàng	1972	
149	Trần Thị Xuân	1948	
150	Đỗ Quốc Việt	1975	
151	Nguyễn Hữu Thọ	1952	
152	Nguyễn Thị Hồng	1930	
153	Nguyễn Văn Thế	1982	
154	Nguyễn Văn Đàn		
155	Nguyễn Thị Tòng	1938	

DANH SÁCH
Các hộ gia đình thôn Khe Dầu đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa năm 2025
(Kèm theo Quyết định số:/QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2025)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
1	Trần Anh Nhật	1983	
2	Trần Văn Đức	1981	
3	Diệp Xuân Mạn	1931	
4	Trần Hào Quang	1964	
5	Trần Đình Tịnh	1959	
6	Nguyễn Thị Linh	1966	
7	Lê Minh Nam	1986	
8	Lê Minh Đức	1948	
9	Nguyễn Doãn Thành	1938	
10	Nguyễn Doãn Trung	1970	
11	Nguyễn Doãn Tiến	1972	
12	Cao Văn Đình	1974	
13	Cao Văn Hồng	1944	
14	Cao Văn Cường	1979	
15	Cao Văn Thịnh	1982	
16	Nguyễn Văn Khánh	1983	
17	Nguyễn Văn Hới	1962	
18	Nguyễn Văn Xứ	1987	
19	Trần Văn Sơn	1962	
20	Nguyễn Văn Trinh	1976	
21	Lê Thị Hạnh	1956	
22	Nguyễn Văn Quân	1979	
23	Nguyễn Văn Hải	1964	
24	Nguyễn Văn Mạnh	1996	
25	Nguyễn Hữu Thế	1975	
26	Nguyễn Hữu Cảnh	1962	
27	Nguyễn Minh Thiệp	1983	
28	Nguyễn Thanh Hà	1972	
29	Nguyễn Quốc Hùng	1955	

30	Nguyễn Văn Long	1971	
31	Lương Thanh Quang	1978	
32	Võ Thị Kiều	1947	
33	Lê Văn Hiệp	1984	
34	Phạm Thị Nhân	1965	
35	Phạm Đình Lương	1970	
36	Phạm Thị Thanh	1961	
37	Nguyễn Đình Phú	1962	
38	Nguyễn Văn Quý	1982	
39	Nguyễn Văn Thân	1984	
STT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
40	Nguyễn Quang Đại	1961	
41	Nguyễn Văn Hoàng	1977	
42	Lê Anh Nam	1987	
43	Lê Thị Minh	1961	
44	Lê Văn Đức	1976	
45	Lê Văn Tình	1980	
46	Lê Xuân Nguyên	1981	
47	Nguyễn Thị Huệ	1951	
48	Từ Ngọc Tuyền	1988	
49	Từ Ngọc Thành	1981	
50	Nguyễn Thị Kim	1961	
51	Nguyễn Danh Kham	1954	
52	Trần Văn Tý	1960	
53	Nguyễn Văn Giáp	1970	
54	Nguyễn Quang Trung	1954	
55	Nguyễn Anh Dũng (Trang)	1981	
56	Nguyễn Thanh Tuấn	1988	
57	Nguyễn Quang Phú	1961	
58	Nguyễn Thành Kiên	1979	
59	Phan Quốc Hương	1955	
60	Lê Thái Hoàng	1982	
61	Lê Văn Quang	1962	
62	Trần Trùng Dũng	1984	
63	Đỗ Văn Sanh	1969	
64	Lê Minh Đông	1982	
65	Phan Văn Lý	1957	
66	Nguyễn Văn Quý (Hoài)	1965	
67	Nguyễn Thị Thủy	1960	
68	Nguyễn Mạnh Thành	1983	
69	Nguyễn Xuân Thiệu	1990	
70	Nguyễn Văn Hiền	1981	
71	Nguyễn Thị Nhâm	1972	

72	Hồ Phi Trường	1993	
73	Nguyễn Duy Hồng	1946	
74	Nguyễn Quang Vinh	1958	
75	Nguyễn Quốc Phong	1984	
76	Nguyễn Quốc Nhân	1977	
77	Nguyễn Nam Long	1952	
78	Nguyễn Quốc Kỳ	1979	
79	Nguyễn Khánh Hiệp	1987	
80	Nguyễn Văn Hào	1967	
81	Nguyễn Danh Huyền	1987	
STT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
82	Nguyễn Quốc Khánh	1947	
83	Nguyễn Anh Dũng	1984	
84	Trần Văn Thương	1967	
85	Trần Văn Thức	1993	
86	Đặng Ngọc Luân	1988	
87	Nguyễn Anh Mạnh	1987	
88	Võ Tá Chinh	1949	
89	Nguyễn Văn Soa	1951	
90	Nguyễn Xuân Chiến	1975	
91	Nguyễn Xuân Tình	1950	
92	Nguyễn Quang Thành	1956	
93	Nguyễn Thanh Bình	1974	
94	Đỗ Thế Anh	1983	
95	Nguyễn Thị Hưng	1948	
96	Hoàng Thị Thuận	1948	
97	Võ Tá Đồng	1975	
98	Phan Văn Tân	1934	
99	Phạm Ngọc Giang	1981	
100	Lê Anh Sơn	1994	

DANH SÁCH
Các hộ gia đình thôn Hà Trai đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa năm 2025
(Kèm theo Quyết định số:/QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2025)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
1	Trần Phi Định	1942	
2	Nguyễn Văn Tiếp	1983	
3	Phạm Xuân Thành	1981	
4	Trần Thị Kim	1962	
5	Nguyễn Văn Nhiệm	1954	
6	Trần Thị Hiền	1977	
7	Nguyễn Văn Hào	1987	
8	Trần Văn Vị	1974	
9	Nguyễn Văn Chiến	1962	
10	Nguyễn Quốc Thắng	1988	
11	Trần Thị Nhung	1961	
12	Nguyễn Đức Hoàn	1975	
13	Nguyễn Văn Hùng	1969	
14	Võ Thị Mỹ	1966	
15	Cao Thái Thạch	1985	
16	Cao Minh Sơn	1957	
17	Cao Minh Hải	1971	
18	Nguyễn Văn Chính	1974	
19	Nguyễn Thế Kỷ	1979	
20	Nguyễn Văn Thảo	1950	
21	Nguyễn Thanh Danh	1973	
22	Phạm Văn Tâm	1964	
23	Phạm Văn Sự	1969	
24	Phan Văn Luận	1959	
25	Nguyễn Thị Chinh	1956	
26	Lê Văn Tương	1970	
27	Lê Khánh Trình	1982	
28	Bùi Thị Tuệ	1956	

29	Bùi Văn Tuấn	1985	
30	Nguyễn Đình Nguyên	1977	
31	Nguyễn Văn Vy	1966	
32	Nguyễn Ngọc Điền	1992	
33	Nguyễn Văn Khánh	1977	
34	Nguyễn Thị Hoa	1980	
35	Lê Hữu Quý	1968	
36	Lê Đình Thoái	1973	
37	Trần Thị Hòe	1949	
38	Lê Thị Nga	1974	
39	Nguyễn Đình Lai	1974	
STT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
40	Phạm Thị Thắm	1974	
41	Nguyễn Biên Cương	1989	
42	Nguyễn Thị Lý	1960	
43	Nguyễn Thị Soa	1992	
44	Lê Văn Hòa	1988	
45	Lê Văn Quang	1960	
46	Võ Thị Xuân	1960	
47	Nguyễn Đăng Lưu	1981	
48	Lê Thị Hạnh	1960	
49	Nguyễn Thanh Tùng	1985	
50	Hoàng Ngọc Sơn	1981	
51	Thái Thị Bình	1952	
52	Nguyễn Văn Ngữ	1968	
53	Nguyễn Thị Thanh	1951	
54	Lê Văn Quảng	1975	
55	Nguyễn Xuân Đàn	1980	
56	Trần Xuân Tùng	1981	
57	Lê Trọng Tịnh	1952	
58	Nguyễn Minh Đức	1971	
59	Nguyễn Đình Thú	1964	
60	Nguyễn Văn Trị	1974	
61	Lê Ngọc Huy	1983	
62	Trương Thị Thủy	1969	
63	Phan Thanh Đàm	1990	
64	Phan Thanh Giang	1951	
65	Bùi Thị Vận	1951	
66	Nguyễn Thế Tài	1982	
67	Nguyễn Huy Hoàng	1971	
68	Mai Văn Thiện	1975	
69	Nguyễn Thị Xinh	1952	
70	Lê Minh Tâm	1979	

71	Trần Quốc Đài	1964	
72	Nguyễn Văn Mạnh	1982	
73	Trần Sang Nam	1991	
74	Bùi Đình Lý	1957	
75	Bùi Văn Luận	1960	
76	Lê Văn Hòa	1964	
77	Nguyễn Văn Thúc	1967	
78	Nguyễn Văn Vân	1877	
79	Nguyễn Công Huân	1947	
80	Nguyễn Thế Nhật	1985	
81	Nguyễn Văn Nam	1956	
STT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
82	Đinh Thị Thanh Tuyền	1984	
83	Trịnh Quang Sáng	1981	
84	Nguyễn Công Thắng	1971	
85	Nguyễn Văn Dũng	1972	
86	Đinh Quang Chính	1974	
87	Trần Quốc Chiến	1975	
88	Nguyễn Thị Thanh	1938	
89	Đinh Văn Giang	1971	
90	Đinh Sỹ Tấn	1965	
91	Võ Khắc Huỳnh	1950	
92	Nguyễn Văn Diễn	1971	
93	Phạm Xuân Quang	1962	
94	Võ Khắc Hải	1984	
95	Nguyễn Văn Chung	1969	
96	Nguyễn Văn Kiều	1976	
97	Phạm Văn Giang	1979	
98	Nguyễn Quốc Vũ	1991	
99	Nguyễn Thị Thơ	1979	
100	Trịnh Xuân Hào	1982	
101	Nguyễn Văn Quý	1973	
102	Nguyễn Thị Đào	1960	
103	Nguyễn Minh Thân	1981	
104	Phạm Huy An	1972	
105	Trịnh Xuân Dương	1965	
106	Trần Cao Quý	1950	
107	Trần Văn Danh	1982	
108	Trần Văn Kính	1971	
109	Nguyễn Thành Công	1987	
110	Nguyễn Văn Đĩnh	1976	
111	Dương Xuân Sỹ	1968	
112	Trần Ngọc Thờ	1974	

113	Nguyễn Văn Đồng	1975	
114	Trần Văn Biên	1979	
115	Nguyễn Văn Minh	1957	
116	Nguyễn Văn Doãn	1985	
117	Nguyễn Thị Loan	1955	
118	Nguyễn Thanh Hải	1965	
119	Lê Thị Lưu	1955	
120	Lê Thị Châu	1950	
121	Phan Quốc Việt	1980	
122	Lê Tứ Sứ	1973	
123	Nguyễn Văn Tuệ	1966	
STT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
124	Nguyễn Quốc Cường	1985	
125	Phạm Thị Duyên	1976	
126	Đặng Xuân Thành	1961	
127	Trịnh Huy Tường	1951	
128	Lê Thị Nhung	1953	
129	Lê Trọng Tường	1976	
130	Lê Thị Phúc	1964	
131	Trần Quốc Khương	1975	
132	Trần Thị Gái	1985	
133	Phan Thái Cung	1985	
134	Phan Thanh Vương	1983	

DANH SÁCH
Các hộ gia đình thôn Vững Tròn đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa năm 2025
(Kèm theo Quyết định số:/QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2025)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
1	Trịnh Bá Đạt	1948	
2	Nguyễn Thị Hoa	1967	
3	Nguyễn Văn Dũng	1963	
4	Phạm Thị Xuân	1963	
5	Trần Văn Hoàng	1976	
6	Lê Thanh Bình	1969	
7	Lê Thanh Tịnh	1974	
8	Nguyễn Văn Giáp	1976	
9	Nguyễn Văn Phúc	1979	
10	Trịnh Bá Đình	1959	
11	Trịnh Quý Công	1969	
12	Phạm Đình Lợi	1969	
13	Trịnh Đình Văn	1961	
14	Võ Văn Bình	1960	
15	Phạm Viêt Hùng	1966	
16	Trịnh Xuân Cường	1978	
17	Trịnh Huy Hoàng	1974	
18	Phạm Văn Hải	1970	
19	Nguyễn Thanh Hồng	1964	
20	Nguyễn Xuân Lương	1950	
21	Phạm Xuân Vinh	1958	
22	Đặng Thị Nhâm	1960	
23	Võ Thị Xuân	1957	
24	Phạm Công Đức	1971	
25	Phạm Thị Liên	1964	
26	Phạm Xuân Toàn	1965	
27	Phạm Huy Đồng	1951	

28	Nguyễn Đình Nghiêm	1958	
29	Nguyễn Xuân Nam	1957	
30	Phạm Viết Hòa	1975	
31	Phạm Văn Thành	1970	
32	Trần Thị Hoài Thanh	1975	
33	Nguyễn Văn Châu	1947	
34	Phạm Văn Kiểm	1962	
35	Võ Văn Tiến	1987	
36	Võ Phi Quyền	1973	
37	Phan Thanh Minh	1963	
38	Phan Thanh Hà	1962	
39	Trịnh Xuân Hưng	1974	
STT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
40	Trịnh Xuân Hòa	1965	
41	Trịnh Xuân Hương	1964	
42	Hoàng Văn Lưu	1959	
43	Phạm Thị Nhung	1968	
44	Trịnh Xuân Tạo	1954	
45	Nguyễn Văn Hiến	1957	
46	Trịnh Huy Thiên	1984	
47	Nguyễn Công Dân	1976	
48	Trịnh Thị Vân	1957	
49	Nguyễn Xuân Huy	1981	
50	Trần Xuân Thắng	1973	
51	Nguyễn Thị Tâm	1964	
52	Nguyễn Văn Thuận	1985	
53	Trịnh Văn Liệu	1962	
54	Phạm Thị Ngọc	1978	
55	Phạm Thị Thanh	1942	
56	Nguyễn Thị Tý	1948	
57	Phạm Văn Trọng	1953	
58	Phạm Xuân Thìn	1963	
59	Phạm Ngọc Vàng	1981	
60	Phạm Văn An	1962	
61	Phạm Thanh Bình	1981	
62	Phan Thị Thảo	1991	
63	Nguyễn Văn Thuận	1993	
64	Nguyễn Văn Anh	1964	
65	Nguyễn Văn Quốc	1977	
66	Nguyễn Thị Long	1966	
67	Phạm Văn Cường	1984	
68	Nguyễn Thị Nguyệt	1975	
69	Trịnh Bá Tùng	1975	

70	Võ Văn Cường	1960	
71	Đặng Xuân Nam	1949	
72	Trịnh Xuân Hải	1964	
73	Trịnh Thị Huệ	1960	
74	Phạm Canh Tuất	1970	
75	Nguyễn Văn Được	1971	
76	Trịnh Văn Thuyết	1986	
77	Võ Văn Lam	1961	
78	Võ Văn Năm	1958	
79	Trương Thị Trường	1952	
80	Lê Văn Thụy	1978	
81	Võ Văn Mạnh	1984	
STT	Họ và tên	Năm sinh	Ghi chú
82	Đặng Thị Lan	1956	
83	Phạm Thị Quyên	1056	
84	Lê Văn Hùng	1980	
85	Phạm Thị Quang	1964	
86	Nguyễn Hữu Từ	1965	
87	Nguyễn Văn Phòng	1966	
88	Phạm Văn Huân	1969	
89	Võ Văn Minh	1962	
90	Phạm Ngọc Tú	198	
91	Phạm Văn Dương	1974	
92	Trịnh Xuân Hà	1968	
93	Nguyễn Thị Hoa	1953	
94	Trịnh Quốc Min	1985	
95	Lê Văn Thương	1982	
96	Trịnh Thị Phương	1962	
97	Lê Quang Ninh	1969	
98	Nguyễn Quang Trung	1969	
99	Trần Xuân Ân	1945	

